TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Việt

2. Bà Lê Thị Thiện

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 248/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp người nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST–HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 , giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị L, sinh năm 1984; thường trú tại: 3 tổ A khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương), có mặt.

Bị đơn: Ông Hàn Văn C, sinh năm 1977; thường trú tại: Thôn Đ, xã N, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa); tạm trú: Ô 37A, DC A, khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn - bà Lương Thị L trình bày:

Bà L và ông Chung kết H trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã N, tỉnh Thanh Hóa) theo giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/2007 vào ngày 10/4/2007. Thời

gian đầu vợ chồng kết hôn chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng 5 năm gần đây thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà L không được ông C tôn trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, ông C luôn gia trưởng và hay uống rượu bia. Ông C không thấu hiểu sự khó khăn vất vả của bà L khi phải chăm sóc 03 người con và chi phí gia đình rất nhiều nhưng ông C than phiền bà L chi tiêu trong gia đình không có dư. Bà L và ông C hiện tại đã sống ly thân và không còn ai quan tâm đến nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Hàn Việt H1, sinh ngày 04/10/2007; cháu Hàn Việt A, sinh ngày 02/9/2013 và cháu Hàn Khánh L1, sinh ngày 02/8/2019. Sau khi ly hôn thì bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung vì từ trước đến nay bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng và các con có nguyện vọng muốn sống cùng với bà L.

Về cấp dưỡng: Bà L yêu cầu ông Hàn Văn C cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền là 2.000.000 đồng/tháng/01con đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Căn cước công dân (bản sao), giấy xác nhận cư trú (bản chứng thực); giấy kết hôn (bản chính) và giấy khai sinh (bản sao).

Tại phiên tòa bị đơn - ông Hàn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn thống nhất theo lời trình bày của bà L, tuy nhiên không thống nhất mâu thuẫn theo lời trình bày của bà L, ông C thừa nhận thường xuyên uống rượu do buồn vì bà L nộp đơn ly hôn. Mỗi khi ông C nói chuyện với bà L thì bà L không chịu lắng nghe và cãi lời nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, ngoài ra ông C đưa tiền cho bà L thì bà L không quản lý được tiền, cuộc sống vợ chồng không có dư dả nên mới phát sinh mâu thuẫn. Ông C không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Hàn Việt H1, sinh ngày 04/10/2007; cháu Hàn Việt A, sinh ngày 02/9/2013 và cháu Hàn Khánh L1, sinh ngày 02/8/2019. Ông C không đồng ý giao các con cho bà L nuôi dưỡng vì không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án giao các con cho bà L nuôi dưỡng thì đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại

phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lương Thị L khởi kiện ông Hàn Văn C yêu cầu ly hôn, tranh chấp người nuôi con, ông Hàn Văn C hiện đang tạm trú tại Ô, DC A, khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là thành phố T, tỉnh Bình Dương) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông C tự nguyện tìm hiểu chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng bà L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bà L không được ông C tôn trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, ông C luôn gia trưởng và hay uống rượu bia. Ông C cũng thừa nhận bản thân thường xuyên uống rượu bia và chửi mắng bà L nhưng do buồn vì bà L nộp đơn ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà L xác định bà không còn tình cảm với ông C nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L về việc ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung sau khi ly hôn và yêu cầu ông Hàn Văn C cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 2.000.000 đồng/01tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông C không đồng ý giao các con cho bà L nuôi dưỡng vì không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án cho ly hôn thì đồng ý mức cấp dưỡng như bà L yêu cầu. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 và khoản 1 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con; nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trường hợp con dưới 36 tháng tuổi thì giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện. Trong vụ án này, cả ba con chung đều do bà L trực tiếp chăm sóc từ trước đến nay, trong đó cháu nhỏ nhất mới hơn 05 tuổi, các con đều có nguyện vọng muốn sống cùng bà L. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L hiện có đủ điều kiện về chỗ ở, thu nhập, thời gian để tiếp tục chăm sóc, giáo

dục các con nên giao ba con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với lợi ích mọi mặt của con.

Về cấp dưỡng: Theo khoản 1 Điều 82 và khoản 2 Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Ông C tự nguyện cấp dưỡng mỗi con là 2.000.000 đồng/01 tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84; Điều 107; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lương Thị L đối với bị đơn - ông Hàn Văn C về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị L được ly hôn với ông Hàn Văn C.

- Về con chung: Giao các cháu Hàn Việt H1, sinh ngày 04/10/2007; Hàn Việt A, sinh ngày 02/9/2013 và Hàn Khánh L1, sinh ngày 02/8/2019 cho bà Lương Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ông Hàn Văn C cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền là 2.000.000 đồng/tháng/con đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lương Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu

tiền số 0001122 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng THADS khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16;
- Phòng THADS khu vực 16;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc